TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ B** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HNGĐ- ST.
Ngày: 08/9/2023.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Tám;

2. Ông Lê Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lường Văn Đoản – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

Ngày 08/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2023/TLST – HNGĐ ngày 05/6/2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2023/QĐXX - ST ngày 22/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2023/QĐST - HPT ngày 22/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vì Thị H – Sinh năm 1980 "vắng mặt".
Nơi ĐKHKTT: Bản N T 2, xã N T, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn O – Sinh năm 1977 " vắng mặt".
Nơi ĐKHKTT: Bản N T 2, xã N T, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 05/6/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, chị Vì Thị H (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Ôi chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, chúng tôi tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc; quá trình chung sống thì hòa thuận, hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương hòa giải, nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay, chúng tôi không còn quan tâm đến nhau, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Ôi.

2. Về con chung: Chị Hoa khai vợ chồng có 03 con chung là: Lò Thị Tuyết, sinh ngày 02/01/1999, Lò Thị Dương, sinh ngày 07/4/2008 và Lò Thanh Tùng, sinh ngày 24/5/2015. Chị Hoa có nguyện vọng được nuôi con chung là Lò Thị Dương và Lò Thanh Tùng, không yêu cầu anh Ôi phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn đối với cháu Lò Thị Tuyết đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của cháu Dương và cháu Tùng là có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

Còn cháu Tuyết đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3.Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Lò Văn O: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự, các đương sự đã nhận được thông báo của Tòa án, nhưng không có ý kiến gì. Sau đó Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật như: Thông báo cho các đương sự đến Tòa án để viết bản tự khai, cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu tại Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Những thủ tục thông báo này Tòa án đã gửi bảo đảm qua đường bưu điện hoặc được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn không thực hiện và cũng không có ý kiến gì.

Tại Biên bản xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của UBND xã N T đã xác định: Anh Ôi và chị Hoa sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1998 cho đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay.

Con có 03 con chung.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Hoa phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Hoa đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0005228 ngày 05/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Vì Thị H, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hoa xin ly hôn với anh Ôi, anh Ôi có hộ khẩu thường trú tại xã N T, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Hoa và anh Ôi lấy nhau năm 1998 không đăng ký kết hôn, đến năm 2023 thì chị Hoa khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vì Thị H và anh Lò Văn O lấy nhau không đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa hai người là không hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến gia đình không hạnh phúc dẫn đến hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể chung sống với nhau và đã sống ly thân từ tháng 03 năm 2023 cho đến nay. Họ hàng hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Hoa và anh Ôi đang trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Hoa xác định tình cảm vợ

chồng không còn nữa, hai người không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hoa. Tuy nhiên, từ năm 1998 đến nay mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng chị Hoa và anh Ôi vẫn không đăng ký kết hôn, đến ngày 05/6/2023 chị Hoa đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Căn cứ Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình thì: Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nên áp dụng Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử không công nhận chị Vì Thị H và anh Lò Văn O là vợ chồng.

[5]. Về con chung: Hai vợ chồng có 03 con chung là: Lò Thị Tuyết, sinh ngày 02/01/1999, Lò Thị Dương, sinh ngày 07/4/2008 và Lò Thanh Tùng, sinh ngày 24/5/2015. Chị Hoa có nguyện vọng được nuôi con chung là Lò Thị Dương và Lò Thanh Tùng, không yêu cầu anh Ôi phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn đối với cháu Lò Thị Tuyết đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của cháu Dương và cháu Tùng đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

Quá trình giải quyết chị Hoa có nguyện vọng muốn được nuôi 02 con chung. HĐXX xét thấy nguyện vọng của chị Hoa là phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Hoa và giao 02 con chung cho chị Hoa trực tiếp chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6].Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, tài sản chung, diện tích ruộng, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6.2]. Nợ phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Hoa phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Hoa đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0005228 ngày 05/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

[8]. Đối với việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, vì lý do bận công việc Công ty không cho nghỉ nên nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 228/BLTTDS và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của nguyên đơn.

Đối với bị đơn Lò Văn O: Không có ý kiến gì và cũng không tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tiến hành theo quy định của pháp luật, gây cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án và của đương sự khác. Điều này chứng tỏ bị đơn tự tước đi quyền, nghĩa vụ của mình trong thời gian giải quyết vụ án. Hơn thế nữa việc bị đơn không đến Tòa án theo giấy thông báo, triệu tập của Tòa án còn thể hiện bị đơn không tôn trọng Tòa án, không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã gửi

quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 228/BLTTDS, Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

- Áp dụng Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1 - Tuyên xử: Không công nhận chị Vì Thị H và anh Lò Văn O là vợ chồng.

2 - Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Hoa, giao con chung là Lò Thị Dương, sinh ngày 07/4/2008 và Lò Thanh Tùng, sinh ngày 24/5/2015 cho chị Hoa trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Chấp nhận yêu cầu của chị Hoa về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4- Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Hoa phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Hoa đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0005228 ngày 05/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

5- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Khoản 1 Điều 273/BLTTDS; Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã N T;
- Lưu,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TỌA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Vũ Văn Tám	Lường Văn Lương	Lê Anh Tuấn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã N T;
- Lưu,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TỌA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Nguyễn Đăng Hùng	Lường Văn Lương	Mùa A Phềnh